

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ DOANH NGHIỆP META
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ DOANH NGHIỆP META

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: META BUSINESS SERVICES COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: META GROUP CO., LTD

2. Mã số doanh nghiệp: 0110227444

3. Ngày thành lập: 11/01/2023

4. Địa chỉ trụ sở chính:

14-15A, Tầng 7, Tòa nhà Charmvit, Số 117 Trần Duy Hưng, Phường Trung Hoà, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0385416568

Fax:

Email: nguyenhau25688@gmail.com Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
2.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
3.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
4.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
5.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
6.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: - Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác - Bán buôn trang thiết bị y tế (Điều 37 nghị định 36/2016-NĐ-CP; khoản 3 điều 1 Nghị định 169/2018/NĐ-CP) - Bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc Điều 32, Điều 33 Văn bản hợp nhất 05/VBHN-VPQH 2018 Luật Dược) - Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh - Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh - Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện - Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự - Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm - Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao - Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình chưa được phân vào đâu	4649
7.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
8.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653

9.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
10.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại	4662
11.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu	4669
12.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại (Không thực hiện các hiệu ứng cháy, nổ; không sử dụng chất nổ, chất cháy, hóa chất làm đạo cụ, dụng cụ thực hiện các chương trình văn nghệ, sự kiện, phim ảnh; Trừ tổ chức hợp báo)	8230
13.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa (Điều 28 Văn bản hợp nhất 17/VBHN-VPQH năm 2019 hợp nhất Luật Thương mại 2005) (Trừ hoạt động đầu giá) - Ủy thác và nhận ủy thác xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa (Khoản 1 Điều 50 Luật Quản lý ngoại thương 2017)	8299
14.	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục Trừ: Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm về khoa học xã hội và nhân văn	8560
15.	Dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu (Trừ Các dịch vụ cắt xén thông tin, báo chí)	6399
16.	Hoạt động liên quan đến kế toán, kiểm toán và tư vấn về thuế Chi tiết: - Kinh doanh dịch vụ kế toán (Điều 59 Văn bản hợp nhất 14/VBHN-VPQH 2019 Luật Kế toán năm 2015) - Kinh doanh dịch vụ làm thủ tục về thuế (Điều 101 Luật quản lý thuế 2019)	6920(Chính)
17.	Hoạt động tư vấn quản lý (Trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp luật)	7020
18.	Quảng cáo	7310
19.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận (Không bao gồm dịch vụ điều tra và thông tin Nhà nước cấm)	7320
20.	Bán buôn tổng hợp	4690
21.	Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ	1610
22.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
23.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
24.	Sản xuất bao bì bằng gỗ	1623
25.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện	1629
26.	Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu	2100
27.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511

28.	Sản xuất linh kiện điện tử	2610
29.	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng	2640
30.	Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển	2651
31.	Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện	2710
32.	Sản xuất dây cáp, sợi cáp quang học	2731
33.	Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác	2732
34.	Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại	2733
35.	Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng	2740
36.	Sản xuất đồ điện dân dụng	2750
37.	Sản xuất thiết bị điện khác	2790
38.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (Không bao gồm hoạt động đấu giá)	4791
39.	Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu (Trừ hoạt động đấu giá)	4799
40.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt) (Trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
41.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: - Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô (Điều 14 Nghị định 10/2020/NĐ-CP)	4933
42.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải hàng không	5223
43.	Bốc xếp hàng hóa	5224
44.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ	5225
45.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: - Dịch vụ đại lý, giao nhận vận chuyển - Gửi hàng - Sắp xếp hoặc tổ chức các hoạt động vận tải đường sắt, đường bộ, đường biển - Giao nhận hàng hóa - Thu, phát các chứng từ vận tải hoặc vận đơn - Hoạt động liên quan như: bao gói hàng hóa nhằm mục đích bảo vệ hàng hóa trên đường vận chuyển, dỡ hàng hóa, lấy mẫu, cân hàng hóa (Trừ vận tải hàng hóa hàng không)	5229
46.	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu	3290
47.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
48.	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác) (Trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)	3315

49.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
50.	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600
51.	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
52.	Thu gom rác thải không độc hại	3811
53.	Thu gom rác thải độc hại	3812
54.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại	3821
55.	Xây dựng nhà để ở	4101
56.	Xây dựng nhà không để ở	4102
57.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
58.	Xây dựng công trình điện	4221
59.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
60.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
61.	Xây dựng công trình thủy	4291
62.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
63.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
64.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
65.	Phá dỡ	4311
66.	Chuẩn bị mặt bằng (Trừ hoạt động dò mìn, nổ mìn)	4312
67.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
68.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759

6. Vốn điều lệ: 1.000.000.000 VNĐ

7. Danh sách thành viên góp vốn:

STT	Tên thành viên	Quốc tịch	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Giá trị vốn góp (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số Giấy tờ pháp lý của cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Giấy tờ pháp lý của tổ chức	Ghi chú
1	NGUYỄN THỊ HẬU	Việt Nam	Thôn Quyết Tiến, Xã Bắc Sơn, Huyện Hưng Hà, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam	400.000.000	40,000	K0391456	
2	ĐẬU ĐỨC KHÁNH	Việt Nam	Thôn 5, Xã Quỳnh Văn, Huyện Quỳnh Lưu, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam	600.000.000	60,000	C8662221	

8. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: ĐẬU ĐỨC KHÁNH

Giới tính: Nam

Chức danh: *Tổng giám đốc*

Sinh ngày: 31/07/1983

Dân tộc: *Mường*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Hộ chiếu Việt Nam*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: C8662221

Ngày cấp: 06/12/2019

Nơi cấp: *Cục Quản lý xuất nhập cảnh*

Địa chỉ thường trú: *Thôn 5, Xã Quỳnh Văn, Huyện Quỳnh Lưu, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *P 2638, Tòa nhà HH2C Hồ Linh Đàm, Phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội